

DAY VĂN BẢN DÀI VỚI MỘT THỜI LƯỢNG NGẮN

• PGS.TS. ĐỖ NGỌC THÔNG

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

1. Không phải đến bây giờ mà ngay cả trước đây, theo sách CCGD, chương trình môn Ngữ văn đã đưa vào rất nhiều tác phẩm có dung lượng lớn, chẳng hạn Chí Phèo (Nam Cao), Hai đứa trẻ (Thạch Lam), Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài), Vợ nhặt (Kim Lân), Mảnh trăng cuối rừng (Nguyễn Minh Châu), Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành); Bên kia sông Đuống (Hoàng Cầm), Việt Bắc (Tố Hữu), Đất nước (Nguyễn Khoa Điềm)... Văn bản dài nhưng thời gian dạy trên lớp lại rất ít nên khá nhiều giáo viên (GV) lúng túng, không ít người phàn nàn kêu ca: dạy kiểu gì cũng thiếu giờ, gấp gáp, vội vã, “cưỡi ngựa xem hoa” v.v... Đó là một thực tế trong dạy học Ngữ văn, dạy theo kiểu giảng văn đã thế, dạy theo kiểu đọc-hiểu có cách gì khắc phục được không?

Trước hết chúng tôi thấy rất trân trọng những bản thảo, trăn trở của các thầy, cô giáo dạy văn. Những trăn trở, băn khoăn ấy thực chất là bắt đầu bằng một tình yêu đối với văn chương, một niềm đam mê, say đắm nghề nghiệp của mình; hơn nữa lại có nhiều hiểu biết, nhiều thông tin về tác phẩm, tác giả được dạy... nên cứ muốn nói nhiều, nói mãi; muốn truyền hết những gì mình hiểu, mình biết cho học trò... Đó có thể coi là một “bệnh nghề nghiệp”- một thứ “bệnh” mà ai cũng có thể mắc, dù chỉ là nặng nhẹ mà thôi.

Một lí do khác, những tác phẩm văn chương hay, độc đáo, thường là những tác phẩm rất giàu ý tưởng, nhiều thông điệp, sâu sắc về nội dung, đa nghĩa, “đa thanh” với nhiều chiều kích, nhiều điểm nhìn, góc ngắm khác nhau... cho nên có thể nói nhiều, nói mãi không cùng. Và như vậy thì cứ gì phải là tác phẩm dài hơi, ngay cả một bài thơ ngắn mấy câu thôi cũng sẽ rất nhiều GV “cháy giáo án” nếu cứ say sưa như thế.

Bên cạnh đó, nhiều khi cứ yêu cầu phải phát huy tính tích cực của học sinh (HS) bằng việc hỏi, tăng cường câu hỏi. Nhưng rất nhiều tình trạng, nhiều thời điểm cả lớp rơi vào “im lặng đáng sợ” vì HS có trả lời được đâu... Thế rồi sốt

ruột, thầy hỏi... trò im lặng... thầy trả lời luôn. Không trả lời luôn làm sao đủ giờ, lại cháy giáo án...

Có thể kể thêm nhiều lí do khác nữa để cắt nghĩa và để thông cảm với nhiều GV rơi vào tình trạng ấy. Nhưng trộm nghĩ, thông cảm là một chuyện, còn đã là “bệnh” thì “bệnh” gì cũng phải chữa, bàn nhau mà chữa, mà “bốc thuốc kê đơn”. Muốn thế trước hết hãy tìm hiểu xem tại sao đó lại là “bệnh” đã.

2. Trong việc hình thành và phát triển cho HS năng lực cảm thụ văn chương - nghệ thuật, tối kị nhất là cảm thụ thay, đọc tác phẩm hộ. Theo đúng nghĩa của tiếp nhận văn học, tác phẩm chỉ tượng hình lên, chỉ sống động khi có một người bắt đầu đọc văn bản, “sờ” vào từng con chữ đang nằm im, cứng đờ trên trang giấy. Cùng một văn bản, mỗi người đọc với những lứa tuổi khác nhau, những kinh nghiệm sống, sự từng trải và trình độ văn hoá khác nhau... sẽ hiểu tác phẩm, lắng nghe và nhìn thấy trong đó những âm thanh và màu sắc khác nhau; sẽ “đọc” ra những thông điệp và ý nghĩa khác nhau. Một nhà phê bình phương tây từng nói: “có bao nhiêu người đọc Hăm-let thì sẽ có bấy nhiêu hình tượng Hăm-let” là ví thế. Cho nên người ta thường nói: văn bản thường chỉ có 01 nhưng tác phẩm thì rất nhiều. Văn bản thường bất biến còn tác phẩm là khả biến. Văn bản là hiện hữu, có thể khảo sát, xem xét, thống kê, đo đếm và kiểm chứng... còn tác phẩm là hình tượng ẩn, chỉ có và tồn tại trong tâm trí người đọc, sống với mỗi người đọc cụ thể. Tuy nhiên nói như thế không có nghĩa là tác phẩm - hình tượng muốn hiểu thế nào cũng được, muốn “đọc” cách gì cũng được. ý nghĩa của hình tượng- tác phẩm phụ thuộc khá nhiều vào người đọc, nhưng cũng được quy định rất chặt chẽ bởi các yếu tố nội tại của văn bản và những quy ước, cách hiểu của tập thể cộng đồng cũng như thói quen tiếp nhận. Có thể hình dung ý nghĩa của tác phẩm- hình tượng là tổng số các phương diện sau: ý nghĩa mà tác giả (

người viết) muốn gửi gắm, thổ lộ + ý nghĩa tự thân của các yếu tố trong văn bản + ý nghĩa mà người đọc “đọc ra” từ sự thể nghiệm, liên tưởng, tưởng tượng của chính bản thân + ý nghĩa của văn cảnh (context) như thời đại, hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh đọc cụ thể...

Nếu hiểu như thế, hay đúng hơn, nếu tiếp nhận văn học đòi hỏi như thế, thì với cách dạy trên vô hình chung chúng ta đã phạm luật. Làm thế nào một HS vào độ tuổi 15, 16 lại có thể hiểu Truyện Kiều hay Chinh phụ ngâm như những gì thầy, cô hiểu và cảm nhận. Tại sao lại buộc HS phải hiểu văn bản ấy theo ý của chính người dạy? Tôi chợt nhớ tới một người nào đó vừa phê phán sách giáo khoa Ngữ văn 10 nêu lên hai cô Tấm làm cho GV và HS không biết chọn cô Tấm nào... Thực ra người ấy không biết rằng sẽ có vô vàn cô Tấm khác nhau trong tâm hồn của muôn vạn HS. Còn hai văn bản ấy khác nhau chỉ là để minh hoạ cho tính dị bản của truyện dân gian, một trong những đặc điểm quan trọng của văn học truyền miệng. Hơn nữa đó cũng là một tình huống sư phạm để người GV nêu vấn đề cho HS phân tích, lựa chọn hoặc nêu lên một cách kết thúc khác cho câu chuyện ấy... Với trí tưởng tượng của HS sẽ có rất nhiều cách kết thúc khác nhau cho câu chuyện cổ tích này.

3. Vậy vai trò và công việc của người GV trong giờ văn là gì? Đó là người dẫn dắt, “bày cách” cho HS biết đọc-hiểu, tiếp nhận, lí giải văn bản một cách tinh tế, khoa học và đúng đắn. Vì thế giờ đọc-hiểu là giờ người GV tổ chức cho HS luyện tập cách thức đọc, cách phân tích, bình giá, giải mã một văn bản. Văn bản văn học có những đặc trưng riêng biệt, khác với các loại văn bản khác. Muốn hiểu nó cần nắm được đặc trưng, những nguyên tắc và cách thức khám phá. Mỗi phương thức biểu đạt, mỗi thể loại tác phẩm... ở những thời kì khác nhau sẽ có cách thức phản ánh đời sống và cách thể hiện tư tưởng tình cảm khác nhau. Nhưng dù là thể loại hay phương thức biểu đạt nào đi nữa thì cũng đều phải nhờ vào ngôn ngữ nghệ thuật. Mỗi thể loại đòi hỏi một thứ ngôn ngữ phù hợp. Cho nên thể loại và ngôn ngữ là hai bình diện quan trọng hàng đầu, là cơ sở để dựa vào đó mà khám phá, chỉ ra ý nghĩa và giá trị của văn bản. Tất nhiên để hiểu tác phẩm cần dựa vào những yếu tố khác như tác giả, thời đại, hoàn cảnh ra đời... và người đọc nữa.

Hiểu như thế thì sẽ thấy việc tổ chức cho HS đọc-hiểu một văn bản dài cũng không khác mấy

một văn bản ngắn nếu cùng thể loại và ngôn ngữ. Trong thực tế đối với văn xuôi nghệ thuật có một số yếu tố chung mà nhà văn nào cũng sẽ vận dụng để tạo nên hình tượng nghệ thuật. Đó là những *cốt truyện, tình huống, nhân vật, không gian và thời gian, điểm nhìn, ngôn ngữ* (miêu tả, trần thuật, đối thoại, độc thoại...). Mỗi nhà văn sẽ vận dụng chúng một cách linh hoạt, sáng tạo để thể hiện được tốt nhất tư tưởng, tình cảm của mình; để tạo ra giọng điệu riêng và phong cách cá nhân. Tổ chức cho HS khám phá tác phẩm theo một thể loại nào đó chính là giúp HS trả lời được câu hỏi: cần dựa vào những yếu tố nào để tìm ra nội dung và ý nghĩa của hình tượng? Còn việc tìm ra những kết quả cụ thể thì để HS tự đọc, tự hiểu và tự khám phá ra theo cách đã được chỉ dẫn. Qua nhiều lần như thế, HS dần dần sẽ biết cách đọc, tự đọc, tự tiếp nhận được những tác phẩm tương tự. Và như vậy thì không nhất thiết trong một tác phẩm, GV buộc phải hướng dẫn HS phân tích và lí giải tất cả các bình diện, các yếu tố nghệ thuật đã nêu. Không nên yêu cầu HS tìm hiểu, phân tích và lí giải mọi nội dung, mọi vấn đề của một văn bản mà chỉ cần tập trung vào làm nổi bật được cảm hứng chủ đạo và một vài biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của văn bản nhằm thể hiện cảm hứng ấy của tác giả... Và vì thế công việc sẽ nhẹ nhàng hơn, giảm đi nhiều những lời thuyết giảng của GV, tiết kiệm được thời gian để yêu cầu HS làm việc nhiều hơn...những văn bản dài sẽ không còn là nỗi ám ảnh thiếu thời gian nữa.

4. Một ví dụ gợi ý về việc hướng dẫn đọc hiểu truyện Hai đứa trẻ của Thạch Lam. Truyện ngắn này được dạy trên lớp với thời lượng 2 tiết. Có thể tổ chức và hướng dẫn HS dạy tác phẩm này bằng nhiều cách rất khác nhau với nhiều cách dẫn dắt, đặt câu hỏi, nêu vấn đề khác nhau tùy thuộc vào ý đồ khai thác truyện theo hướng diễn dịch hay quy nạp. Nếu là quy nạp thì có thể bắt đầu bằng việc nêu lên các tình huống, các vấn đề cụ thể sau đây để HS tìm hiểu:

+ Tại sao tên tác phẩm lại là Hai đứa trẻ mà không là Hai chị em? Lí giải ý nghĩa của tên văn bản.

+ Cốt truyện có gì đặc biệt và có dễ tóm tắt không? Yêu cầu HS chỉ ra một vài đoạn văn giàu chất thơ và tính chất phi cốt truyện. Yêu cầu phân tích tác dụng của các yếu tố này.

+ Không gian và thời gian của truyện có gì đặc biệt? Phân tích tác dụng (giả định bằng một không gian, thời gian khác).

+ Hệ thống nhân vật có gì đặc sắc (đặc điểm của nhân vật chính và cả tập thể nhân vật trong truyện bổ sung cho nhau như thế nào? Nhằm làm nổi bật điều gì?

+ Hành động và lời thoại trong truyện có đặc điểm gì? Tác dụng và ý nghĩa?

+ Bút pháp lãng mạn thể hiện ở chỗ nào? (ngôn ngữ, hình ảnh tương phản ánh sáng và bóng tối, mặt đất và bầu trời, hiện thực và mơ ước...)

+ Ngôi kể và lời văn nghệ thuật có đặc điểm gì? Tác dụng? Nêu một vài đoạn văn hay cụ thể trong tác phẩm.

Từ việc tìm hiểu các bình diện cụ thể trên, GV cho HS hệ thống lại bằng câu hỏi tổng hợp: tất cả các yếu tố đều tập trung làm rõ, khắc sâu ấn tượng gì, nội dung, tư tưởng gì? GV để cho HS tự rút ra kết luận và có thể nêu lên ý kiến của riêng mình, chẳng hạn: truyện tràn ngập một nỗi buồn thương da diết của Thạch Lam đối với những kiếp người mòn mỏi, mờ mờ nhân ảnh, nhạt nhoà, lụi tàn, nhỏ nhoi, vô nghĩa...

Nếu theo cách diễn dịch thì bắt đầu bằng việc nêu ấn tượng và cảm nhận khái quát của HS về chủ đề tư tưởng sau khi đọc tác phẩm và từ đó nêu vấn đề: Cảm hứng và chủ đề nổi bật

ấy, đã được thể hiện ở các yếu tố nào của văn bản? Sau đó lần lượt hướng dẫn HS tìm hiểu các bình diện đã nêu trên? Cuối cùng tùy thuộc vào thời gian, nếu còn giờ GV yêu cầu HS khái quát giá trị của thiên truyện (giá trị văn học, giá trị giáo dục tư tưởng...). Hoặc cũng có thể nêu yêu cầu viết một đoạn văn ngắn chỉ ra sức hấp dẫn, nét độc đáo của thiên truyện so với một số tác phẩm cùng thời đã học...

Theo cách trên, giờ học sẽ đạt được hai mục đích: giúp HS tự khám phá ra vẻ đẹp của truyện Hai đứa trẻ và cách tìm hiểu một truyện ngắn trữ tình từ hình thức đến nội dung. Cũng không nhất thiết phải khai thác tất cả các bình diện đã nêu mà có thể tập trung vào một số điểm GV thấy tâm đắc và cần thiết nhất đối với HS của lớp mình. Như vậy thì thời lượng ít không còn là nỗi ám ảnh khi dạy những văn bản dài nữa.

SUMMARY

The author raises some of the concerns of literature teachers in teaching long literary works with a short amount of time allotted while making clear the role played by the teacher in organizing a literature-teaching period with a view to orienting teachers to the teaching of a long literary work in a short time.

XÂY DỰNG HỆ THỐNG...

(Tiếp theo trang 43)

kiểm tra giữa kì buộc người học phải đầu tư rất nhiều trong quá trình theo học từng môn học.

6. Định kì tiến hành tự đánh giá toàn bộ các hoạt động của nhà trường hay của từng ngành đào tạo.

Tự đánh giá là một quá trình tự học tập, tự nghiên cứu và tự hoàn thiện theo các chuẩn mực đã đặt ra. Quá trình này thường kéo dài từ vài tháng. Đó là khoảng thời gian cần thiết để tự nhận thấy những khiếm khuyết của mình và phấn đấu để khắc phục những khiếm khuyết đó. Ở nhiều nước châu Âu, tuy trước đây chưa áp dụng quy trình kiểm định chất lượng nhưng đã sử dụng tự đánh giá như một công cụ tự hoàn thiện nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các khoá đào tạo của nhà trường.

Tự đánh giá có ưu điểm là do chính những thành viên của nhà trường trực tiếp thực hiện. Họ là những người hiểu rõ các khoá đào tạo của mình. Nhưng tự đánh giá thường thiếu khách quan và do những người không chuyên thực

hiện. Vì vậy trong quá trình thực hiện tự đánh giá, nhà trường có thể mời đại diện của các doanh nghiệp, sinh viên cũ, chuyên gia của các trường khác cùng tham gia các đợt tự đánh giá của trường. Một biện pháp để kiểm soát tính trung thực của báo cáo tự đánh giá là công bố công khai kết quả tự đánh giá (ví dụ bản báo cáo) trên các thông tin đại chúng.

Kết luận

Đảm bảo chất lượng bền trong các trường ĐH là một hệ thống không thể thiếu. Tuy nhiên, đến nay chưa có nhiều trường ĐH quan tâm đến việc này. Điều đó đòi hỏi chúng ta cần đầu tư nhiều hơn nữa về trí tuệ, nhân lực và tài chính để giúp các trường tự chăm lo đến chất lượng của mình. Chỉ khi đó, các trường ĐH mới có thể chủ động duy trì, nâng cao chất lượng và tự chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo của nhà trường.

SUMMARY

The article highlights the need to build a system to assure quality inside universities and some major activities of quality assurance centres in universities